Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 62/2024/QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 31 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 219/TTr-STP ngày 30 tháng 12 năm 2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy chế ban hành văn bản quy

phạm pháp luật và quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- TT Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hoàng Nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật và Quy định này;

2. Bảo đảm kịp thời, hiệu quả, khách quan, chặt chẽ, đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Đầu mối chủ trì trong công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp

a) Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành.

b) Chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng và làm đầu mối tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát hằng năm và định kỳ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

c) Thực hiện đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật chung của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân và các cơ quan có liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Thủ trưởng các cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3. Công chức Tư pháp - Hộ tịch

a) Làm đầu mối, chủ trì phối hợp với các công chức khác có liên quan giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

b) Chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và làm đầu mối tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát hằng năm và định kỳ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 4. Quan hệ phối hợp thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP có trách nhiệm phân công người rà soát văn bản ngay sau khi văn bản là căn cứ để rà soát được thông qua hoặc ký ban hành hoặc ngay khi tình hình kinh tế - xã hội có sự thay đổi có thể làm cho nội dung của văn bản không còn phù hợp thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan, đơn vị mình.

2. Người rà soát văn bản thực hiện rà soát văn bản theo trình tự rà soát văn bản, lập phiếu rà soát văn bản, lập hồ sơ rà soát văn bản theo quy định tại Điều 149, Điều 150, Điều 151, Điều 152 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

3. Lấy ý kiến và hoàn thiện hồ sơ rà soát văn bản

a) Sau khi có kết quả rà soát văn bản, các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Tư pháp (đối với cấp tỉnh), lấy ý kiến của Phòng Tư pháp (đối với cấp huyện) về kết quả rà soát văn bản.

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ nội dung nhất trí, nội dung không nhất trí và lý do hoặc ý kiến khác.

b) Các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản này có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp mình xem xét, quyết định xử lý;

Trường hợp quyết định xử lý kết quả rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân thì Ủy ban nhân dân cùng cấp phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân kiến nghị Hội đồng nhân dân xử lý kết quả rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân theo quy định.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định xử lý hoặc phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân kiến nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xử lý kết quả rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân theo quy định.

d) Các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát văn bản có trách nhiệm gửi kết quả rà soát văn bản cho Sở Tư pháp (đối với cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với cấp huyện) để theo dõi.

4. Công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực

a) Định kỳ hằng năm, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

b) Thủ trưởng các cơ quan được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này có trách nhiệm gửi báo cáo và danh mục các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan mình về Sở Tư pháp (đối với cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với cấp huyện) để tổng hợp.

c) Quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được gửi đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Điều 5. Quan hệ phối hợp thực hiện hệ thống hóa văn bản

1. Các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp theo trình tự hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và gửi kết quả cho Sở Tư pháp (đối với cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với cấp huyện) để tổng hợp.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 6 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

3. Công chức Tư pháp - Hộ tịch giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân công bố kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 6 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

4. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Điều kiện đảm bảo cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Về nguồn nhân lực

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện chịu trách nhiệm bố trí, phân công công chức có đủ năng lực, trình độ tham mưu thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành quản lý;

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng phải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy định này.

Các quy định khác liên quan đến hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không quy định tại Quy định này thì áp dụng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thực hiện Quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ảnh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.